

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 25/2020/QĐST-VHNGĐ.

B, ngày 12 tháng 03 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 112/2020/TLST-VHNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

NGƯỜI YÊU CẦU GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ:

- Ông **Hồ Văn C**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: số 154D/5 Lê Hồng P, phường T, quận B, thành phố C.

- Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1970;

Địa chỉ thường trú: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh L.

Địa chỉ liên lạc: số 4A₂ Nguyễn Đức C, phường C, quận N, thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị N và ông Hồ Văn C tự nguyện tiến tới hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh L vào ngày 10/11/2004. Thời gian đầu, ông bà chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó do kinh tế gia đình khó khăn nên bà N đã đi làm ăn xa và vợ chồng đã sống ly thân hơn 15 năm. Trong thời gian sống ly thân xa nhau, bà N, ông C đã không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay bà N và ông C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận ông bà thuận tình ly hôn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ.

[2] Về con chung: Thời gian chung sống ông C, bà N có 04 (bốn) người con chung gồm:

Hồ Hoàng Nh (nữ) sinh ngày 21 tháng 5 năm 1993 (đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết).

Hồ Hoàng P (nữ) sinh ngày 26 tháng 10 năm 1994 (đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết).

Hồ Huy Q (nam) sinh ngày 16 tháng 11 năm 1996 (đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết).

Hồ Triệu H (nam) sinh ngày 01 tháng 6 năm 2004. Ông bà thống nhất thỏa thuận giao con chung Hồ Triệu H cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, bà N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông C tự nguyện nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: ông Hồ Văn C và bà Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Thời gian chung sống ông C, bà N có 04 (bốn) người con chung gồm:

Hồ Hoàng Nh (nữ) sinh ngày 21 tháng 5 năm 1993 (đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết).

Hồ Hoàng P (nữ) sinh ngày 26 tháng 10 năm 1994 (đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết).

Hồ Huy Q (nam) sinh ngày 16 tháng 11 năm 1996 (đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết).

Giao con chung Hồ Triệu H (nam) sinh ngày 01 tháng 6 năm 2004 cho ông Hồ Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, không buộc bà Nguyễn Thị N cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Nguyễn Thị N theo quy định.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông C tự nguyện nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) lệ phí. Chuyển 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 004330 ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Cơ quan thi hành án dân sự quận B, thành phố C thành lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm phải nộp. Đương sự đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận B;
- Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh L;
- (GCNĐKKH ngày 10/11/2004);
- Tòa án nhân dân Thành phố C;
- Lưu (Hs, Ls, Tds)

Phạm Thị A